TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 07/2020/DS - ST
Ngày: 10- 7 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Thoi

2. Ông Thân Văn Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-DS ngày 17/12/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST- DS ngày 05/6/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-DS ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đào Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn anh Đào Văn T trình bày:

Ngày 12/5/2019, anh có ký kết hợp đồng cho thuê 01 máy lập trình sunsir 1906 với anh Nguyễn Văn P, cụ thể: anh tức bên cho thuê, anh P tức bên thuê. Hai bên thỏa thuận hình thức thuê: thuê theo tháng, giá thành thuê: 3.000.000 đồng/ 1 tháng; hình thức thanh toán: tiền mặt. Máy ở tình trạng hoạt động bình

thường. Trường hợp, bên thuê máy đồng ý mua lại máy của bên cho thuê thì sẽ được trừ ½ tiền thuê cộng với giá trị của máy là 23.000.000 đồng. Cùng ngày 12/5/2019, anh trực tiếp giao máy cho anh P. Anh P thanh toán trả anh 2.000.000 đồng tiền thuê máy. Sau đó, khoảng tháng 12/2019 do gặp khó khăn nên anh P đã đề nghị chỉ trả anh số tiền mua lại máy may với giá 17.000.000 đồng, anh đồng ý. Hai bên không lập biên bản giấy tờ mua bán gì mà chỉ nói miệng với nhau về việc mua bán này. Từ khi hai bên thỏa thuận được về số tiền thanh toán, anh P không trả tiền mua máy cho anh. Anh đã gọi điện đôn đốc và nhiều lần đến tận nhà anh P yêu cầu anh P trả số tiền 17.000.000 đồng anh P đã mua máy của anh nhưng anh P không trả. Nay anh yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn P phải trả anh số tiền 17.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H hoàn toàn nhất trí với lời khai của nguyên đơn.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn P có lời khai trong hồ sơ trình bày: Ngày 15/5/2019, anh có nhu cầu thuê máy của anh Thuận. Sau khi thảo luận, anh đã trả tiền thuê máy cho anh Thuận. Anh và anh Thuận đã thỏa thuận anh mua lại tài sản của anh Thuận, anh Thuận đồng ý cho anh nợ tiền mua máy. Quan điểm của anh sẽ thu xếp tiền trong thời gian sớm nhất trong năm 2020 để trả anh Thuận số tiền là 17.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp lật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 434, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Văn P phải trả anh Đào Văn T số tiền là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận miệng về việc mua bán 01 máy lập trình sunsir 1906 với giá 17.000.000 đồng. Xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn huyện V vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện:

Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Lời khai của các bên phù hợp với nhau và phù hợp đồng thuê máy ngày 12/5/2019 giữa anh Đào Văn T và anh Nguyễn Văn P. Cả anh Thuận và anh P đều khai 02 bên đã thỏa thuận chuyển từ hợp đồng thuê sang hợp đồng mua bán máy trị giá 17.000.000đ. Khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Các điều khoản trong hợp đồng tuân thủ đúng quy định, không có điều khoản trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Hợp đồng đã ký phù hợp với Điều 117 Bộ luật dân sự về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Về việc thực hiện hợp đồng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn P thừa nhận sau khi chuyển sang hợp đồng mua bán máy và thống nhất giá trị hợp đồng là 17.000.000đ, anh P đã nhận được tài sản nhưng chưa trả tiền cho anh Thuận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Khi mua bán máy, các bên không thỏa thuận về thời hạn trả tiền. Căn cứ khoản 3 Điều 434 Bộ luật dân sự quy định *"3. Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản"*. Như vậy, bên mua tài sản là anh Nguyễn Văn P đã nhận tài sản nhưng chưa thực hhieenj nghĩa vụ trả tiền.

Từ những phân tích trên hội đồng xét xử thấy rằng: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là anh Nguyễn Văn P phải trả cho nguyên đơn là anh Đào Văn T số tiền 17.000.000 đồng là phù hợp với các Điều 434, 440 Bộ luật dân sự.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh Nguyễn Văn P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35 khoản 1, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117, Điều 434, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Văn P phải trả anh Đào Văn T số tiền 17.000.000 đồng (mười bẩy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Đào Văn T số tiền 270.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001007 ngày 17/12/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Văn Hiếu